

**TỔNG CÔNG TY
BƯU ĐIỆN VIỆT NAM
MST: 0102595740**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1214* /BDVN-KHĐT

Hà Nội, ngày *17* tháng 5 năm 2017

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 đã được Hội đồng thành viên phê duyệt tại Quyết định số 60/QĐ-BĐVN-HĐTĐ ngày 09/5/2017)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2016 của Bưu điện Việt Nam như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất Bưu điện Việt Nam năm 2016 đạt: 12.373,64 tỷ đồng, tăng 41,1% so với thực hiện năm 2015.

- Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 175,35 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện năm 2015.

- Các khoản đã nộp ngân sách nhà nước trong năm 2016: 519 tỷ đồng, tăng 26,3% so với thực hiện năm 2015.

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ Tổng công ty Bưu điện Việt Nam:

- Tổng doanh thu: 12.293,58 tỷ đồng, đạt 121,5% so với kế hoạch Bộ giao, đạt 113,9% so với kế hoạch Hội đồng thành viên giao trong đó:

+ Doanh thu dịch vụ Bưu chính chuyển phát: 4.696,47 tỷ đồng đạt 108,3% so với kế hoạch Bộ giao, đạt 100,4% so với kế hoạch Hội đồng thành viên giao.

+ Doanh thu dịch vụ Tài chính Bưu chính: 2.272,66 tỷ đồng đạt 130,2% so với kế hoạch Bộ giao, đạt 101,8% so với kế hoạch Hội đồng thành viên giao.

+ Doanh thu dịch vụ Phân phối Truyền thông: 4.920,26 tỷ đồng đạt 128,2% so với kế hoạch Bộ giao, đạt 133,7% so với kế hoạch Hội đồng thành viên giao.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 135,6 tỷ đồng, tăng 13% so với kế hoạch Bộ giao, tăng 54% so với thực hiện năm 2015.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thực hiện 1,66%, tăng 0,19% so với kế hoạch Bộ giao, tăng 0,58% so với thực hiện năm 2015.

- Số nộp ngân sách nhà nước: 397 tỷ, tăng 19% so với thực hiện năm 2015.

Kết quả kinh doanh công ty con:

- Tổng doanh thu: 1.132,79 tỷ đồng, đạt 102,1% so với kế hoạch Bộ giao, tăng 15,6% so với thực hiện năm 2015.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 38,14 tỷ đồng, đạt 84,8% so với kế hoạch Bộ giao, bằng 42,1% so với thực hiện năm 2015 (* Năm 2016, kết quả hoạt động Công ty In Tem Bưu điện lỗ 3,84 tỷ đồng do trong năm 2016 Công ty phải chịu khoản chi phí do bị truy

thu tiền thuê đất giai đoạn 2006-2014 là 9,6 tỷ đồng. Nếu loại trừ khoản chi phí truy thu này thì Công ty có lãi là 5,9 tỷ đồng và Tổng lợi nhuận trước thuế các công ty con đạt 47,74 tỷ đồng, đạt 106,1% so với kế hoạch Bộ giao).

Kết quả thực hiện sản phẩm công ích chủ yếu năm 2016 như sau:

- Sản lượng Dịch vụ Bưu chính công ích: 121,516 triệu cái , đạt 95,7% so với kế hoạch Bộ giao.

- Sản lượng công ích trong hoạt động phát hành báo chí: 172,055 triệu tờ/cuốn, đạt 112,5% so với kế hoạch Bộ giao.

2. Tình hình đầu tư phát triển năm 2016

Kế hoạch đầu tư năm 2016 của Tổng công ty được Hội đồng thành viên Tổng công ty phê duyệt với tổng kế hoạch vốn đầu tư là 1.100 tỷ đồng, tổng vốn thông báo là 875 tỷ đồng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu hợp nhất Bưu điện Việt Nam: 15.197,22 tỷ đồng, tăng 22,8% so với thực hiện năm 2016.

- Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 302,01 tỷ đồng, tăng 72,2% so với thực hiện năm 2016.

** Chi tiết kế hoạch của Công ty mẹ Bưu điện Việt Nam:*

- Tổng doanh thu công ty mẹ: 15.100 tỷ đồng, tăng 22,8% so với thực hiện năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế: 225 tỷ đồng, tăng 66% so thực hiện năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế: 210 tỷ đồng, tăng 54,9% so với thực hiện năm 2016.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu: 2,58%, tăng 0,92% so với thực hiện năm 2016.

** Chỉ tiêu kế hoạch của Công ty con:*

- Tổng doanh thu công ty con: 1.376,5 tỷ đồng, tăng 21,5% so với thực hiện năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế: 62,1 tỷ đồng, tăng 62,8% so thực hiện năm 2016.

- Lợi nhuận sau thuế: 49,8 tỷ đồng, tăng 65,4% so với thực hiện năm 2016.

2. Kế hoạch đầu tư 2017

2.1. Kế hoạch đầu tư năm 2017:

a. Định hướng kế hoạch đầu tư năm 2017.

- Đảm bảo sự đồng bộ trong đầu tư nâng cao chất lượng khâu giao dịch, khai thác, chia chọn.

- Đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức sản xuất, hợp tác, kinh doanh và phát triển dịch vụ tại 03 lĩnh vực trụ cột theo định hướng của Tổng công ty.

- Khắc phục tình trạng quá tải, đáp ứng được nhu cầu mặt bằng ở các trung tâm khai thác vùng và nhu cầu mặt bằng ở các trung tâm KTVVC cấp tỉnh cho 5 năm tiếp theo.

- Nâng cao năng lực vận chuyển của Tổng công ty.

- Khắc phục tình trạng xuống cấp của các bưu cục, góp phần bảo vệ tài sản và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng BCCC.

- Đảm bảo chất lượng và sự đồng bộ về hình ảnh hệ thống nhận diện thương hiệu của Tổng công ty.

- Ưu tiên nguồn lực cho các dự án trọng điểm về phát triển hạ tầng CNTT, hạ tầng mạng vận chuyển (đường trục, cấp 1, 2 và thu gom, phát trả), các trung tâm khai thác vận chuyển cấp vùng.

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư tập trung các dự án trang bị các trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng khai thác.

- Tiếp tục triển khai chương trình “Cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới các Trung tâm khai thác chia chọn cấp tỉnh”.

- Tiếp tục triển khai chương trình “Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các Bưu cục cấp 1, 2, 3” theo đúng định hướng của Tổng công ty:

- Đầu tư mở rộng mạng lưới điểm phục vụ tại các địa bàn có tiềm năng và thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư thường xuyên khác.

b. Kế hoạch đầu tư năm 2017 của công ty mẹ Bưu điện Việt Nam

Tổng kế hoạch vốn đầu tư đã được phê duyệt: **1.511 tỷ đồng**, Trong đó:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư tập trung: 1.264 tỷ đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư phân cấp: 127 tỷ đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư dự phòng: 120 tỷ đồng.

2.2. Dự kiến kết quả đầu tư năm 2017:

- Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư thông báo trong năm 2017 khoảng 1.285 tỷ tương ứng đạt 85% tổng kế hoạch vốn đầu tư đã được phê duyệt.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính

- Hệ thống quản lý tài chính, kế toán được chuẩn hoá và triển khai áp dụng trên toàn mạng lưới. Các chỉ tiêu, cơ chế kế toán, hệ thống báo cáo định kỳ được thống nhất nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành chính xác, nhanh chóng.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết, nhằm mục tiêu bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Tổng công ty.

2. Giải pháp về sản xuất

- Triển khai phương án quy hoạch dịch vụ, đổi mới tổ chức sản xuất trong toàn Tổng công ty.

- Tiếp tục tập trung nguồn lực tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng của Tổng công ty.

- Tăng cường các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh doanh theo 03 nhóm dịch vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực hành chính công, triển khai thực hiện quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để phát triển kinh doanh mạng lưới điểm BD-VHX.

3. Giải pháp về marketing

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách bán hàng từng dịch vụ đến người lao động một cách linh hoạt. Đa dạng hoá hình thức kênh phân phối dịch vụ, sản phẩm đến khách hàng.

- Quy hoạch lại hệ thống sản phẩm/dịch vụ. Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm dịch vụ phù hợp với định hướng, mục tiêu chiến lược của Tổng công ty.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách giá cước linh hoạt đủ sức cạnh tranh với đối thủ nhằm cung cấp đa dạng các đối tượng khách hàng.

- Hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu Bru điện Việt Nam.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Quy hoạch lại lực lượng lao động đảm bảo chất lượng lao động phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty, phù hợp theo từng mảng dịch vụ.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng lao động, chú trọng các giải pháp, nhiệm vụ trong lĩnh vực lao động tiền lương.

- Hệ thống các công cụ quản lý nhân sự đồng bộ cùng với cơ chế và chính sách khuyến khích đối với từng đối tượng lao động tạo nên một tổng thể hệ thống quản lý nhân sự chuyên nghiệp, hiệu quả.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Đẩy mạnh các ứng dụng công nghệ, thông tin phục vụ SXKD trên toàn mạng lưới, cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao năng suất lao động trên mạng lưới.

- Các khâu trong quá trình quản lý, điều hành, SXKD được đẩy mạnh tin học hoá, đảm bảo thông tin thông suốt, kịp thời, và được liên kết phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu.

- Phần đầu toàn bộ mạng lưới được online hoá và kết nối về Trung tâm dữ liệu bu chính.

- Phát triển cơ sở hạ tầng CNTT theo hướng lựa chọn được công nghệ phù hợp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- rà soát, đổi mới cơ chế kế hoạch, đề xuất cách thức tổ chức, quản lý kế hoạch áp dụng trong Tổng công ty.

- Tích cực đẩy mạnh, tăng tần suất theo dõi, giám sát định kỳ với công tác kinh doanh, quản lý mạng lưới nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Các chương trình hỗ trợ đơn vị tiếp tục được triển khai để trực tiếp đưa ra giải pháp phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng đơn vị, địa bàn.

- Công tác quản lý kế hoạch tiếp tục được hoàn thiện, bổ sung, tạo nên cơ chế kế hoạch minh bạch, rõ ràng đến từng cá nhân người lao động, thúc đẩy từng cá nhân, đơn vị phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch.

7. Giải pháp khác

- Thúc đẩy hợp tác và kinh doanh quốc tế.

- Triển khai xây dựng văn hoá doanh nghiệp trên nền tảng các giá trị truyền thống của ngành Bru điện và của Tổng công ty.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch |
|-----------|--|------------|---|
| 1 | Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu: | | |
| a) | - Dịch vụ Bưu chính công ích, trong đó: | cái | 120.000.000 |
| | Thư cơ bản trong nước | cái | 116.048.000 |
| | Thư cơ bản từ Việt Nam đi các nước | cái | 1.752.000 |
| | Thư cơ bản từ các nước đến Việt Nam | cái | 2.200.000 |
| b) | - Sản lượng công ích trong hoạt động phát hành báo chí, trong đó: | tờ/cuốn | 164.000.000 |
| | Báo Nhân dân | tờ/cuốn | 57.600.000 |
| | Báo Quân đội Nhân dân | tờ/cuốn | 13.750.000 |
| | Báo của Đảng bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | tờ/cuốn | 91.250.000 |
| | Tạp chí Cộng sản | tờ/cuốn | 1.400.000 |
| 2 | Đảm bảo khả năng sử dụng dịch vụ | | |
| | Bán kính phục vụ bình quân trên một điểm phục vụ | | Tối đa 3 km |
| | Số điểm phục vụ trong một xã | | Tối thiểu 1 điểm phục vụ, tỷ lệ đạt chuẩn là 100% tổng số xã |
| | Thời gian phục vụ tại các bưu cục giao dịch trung tâm tỉnh | | Tối thiểu 8 giờ/ngày làm việc, tỷ lệ đạt chuẩn là 100% tổng số bưu cục |
| | Thời gian phục vụ tại các điểm phục vụ khác | | Tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc, tỷ lệ đạt chuẩn là 100% tổng số điểm phục vụ |
| 3 | Doanh thu hợp nhất | Tỷ đồng | 15.197,0 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Tỷ đồng | 302,0 |
| 5 | Nộp ngân sách Công ty mẹ tổng công ty Bưu điện Việt Nam | Tỷ đồng | 444,0 |
| 6 | Tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ Tổng công ty Bưu điện Việt Nam | Tỷ đồng | 1.511,0 |
| 7 | Kim ngạch xuất khẩu (nếu có) | 1.000 USD | |
| 8 | Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty mẹ tổng công ty Bưu điện Việt Nam: | | |
| | Nợ phải trả quá hạn | | Không có nợ phải trả quá hạn |
| | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | | >1 (lớn hơn 1) |

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT;
- Bộ TTTT;
- HĐTV;
- Ban TGD;
- KSV TCT;
- Công TTĐT TCT;
- Lưu VT, VP.

AIS: 11756

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Tuấn